**SỔ THEO DÕI TẠM GIỮ, GIỮ, TRẢ LẠI TANG VẬT, PHƯƠNG TIỆN, GIẤY PHÉP, CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ BỊ TẠM GIỮ, GIỮ**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tạm giữ, giữ tang vật, phương tiện, giấy phép, chứng chỉ hành nghề** | | | | | | | | **Trả lại tang vật, phương tiện, giấy phép, chứng chỉ hành nghề bị tạm giữ, giữ** | | | | **Ghi chú** |
| Số; ngày ban hành biên bản tạm giữ, giữ | Tên, chức vụ người ký biên bản tạm giữ, giữ | Loại tang vật, phương tiện, giấy phép, chứng chỉ hành nghề bị tạm giữ, giữ | Số; ngày tháng ban hành quyết định tạm giữ | Tên, chức vụ người ký quyết định tạm giữ | Tên tổ chức/cá nhân vi phạm | Thời hạn tạm giữ, giữ | Lý do tạm giữ, giữ | Số; ngày tháng ban hành quyết định trả | Tên, chức vụ người ký quyết định trả | Số; ngày tháng ban hành biên bản trả | Tên tổ chức/cá nhân nhận |
| *(1)* | *(2)* | *(3)* | *(4)* | *(5)* | *(6)* | *(7)* | *(8)* | *(9)* | *(10)* | *(11)* | *(12)* | *(13)* | *(14)* |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

***Ghi chú:***

Cột (4): Ghi rõ loại tang vật, phương tiện, giấy phép, chứng chỉ hành nghề bị tạm giữ (như: tạm giữ phương tiện biển kiểm soát...; tạm giữ giấy phép lái xe, giấy chứng nhận kiểm định phương tiện...); loại giấy phép, chứng chỉ hành nghề bị giữ (như: giữ giấy phép lái xe, giấy chứng nhận kiểm định phương tiện...);

Cột (9): Ghi rõ lý do bị tạm giữ, giữ theo quy định tại khoản 3 Điều 25 và khoản 1, khoản 7 Điều 125 Luật Xử lý vi phạm hành chính được sửa đổi, bổ sung năm 2020 (như: để xác minh tình tiết vụ việc vi phạm; để ngăn chặn ngay hành vi vi phạm; để đảm bảo thi hành quyết định xử phạt; giữ trong thời gian tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề);

Các cơ quan, đơn vị có thể bổ sung thêm nội dung theo quy chế quản lý nội bộ của cơ quan, đơn vị.